

Số: 1040/CT-TCHQ

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2020

CHỈ THỊ

VỀ VIỆC THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ, QUYẾT LIỆT CÁC GIẢI PHÁP TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI, NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CHỐNG THẮT THU TRONG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Năm 2019, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn, các nền kinh tế đều có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung; Hàn quốc và Nhật Bản tiếp tục diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, trong năm qua kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả khá bất ngờ như năng lực cạnh tranh quốc gia được đánh giá cải thiện vượt bậc, kinh tế tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra trong khi vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát tốt và các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố, mở rộng. Mặc dù, việc thực hiện các cam kết quốc tế về giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo lộ trình của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đang trong giai đoạn cắt giảm mạnh, nhưng dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, sự phối hợp của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, sự quyết tâm, nỗ lực của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, năm 2019 thu ngân sách nhà nước của ngành Hải quan đạt 116,05% dự toán.

Năm 2020, Tổng cục Hải quan được Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính giao dự toán thu NSNN là 338.000 tỷ đồng, tăng 12,5% so với dự toán năm 2019 theo Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. Dự toán 2020 được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng GDP 6,8%; giá dầu thô 60\$/thùng; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7%, kim ngạch nhập khẩu tăng 9%; các Hiệp định thương mại tự do FTAs đang vào giai đoạn cắt giảm mạnh, một số FTA mới được ký kết và có hiệu lực trong năm 2020 với hầu hết nhiều dòng hàng có thuế suất thuế nhập khẩu giảm xuống 0%.

Căn cứ Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán thu NSNN năm 2020, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm các nhiệm vụ dưới đây:

I. Nhiệm vụ chung:

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 với phương châm hành động của Chính phủ là “*kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”; Xây dựng và triển khai quyết liệt, đồng bộ kế hoạch hành động công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa công tác hải quan, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 và Nghị quyết 01-NQ/BCSD ngày 03/01/2020 của

Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính về lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2020. Theo đó, thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền liên quan đến thủ tục hải quan, chính sách thuế, công tác quản lý thuế, chế độ kế toán, chế độ hoàn thuế, miễn thuế; Cải cách thủ tục hành chính, thủ tục hải quan, thủ tục quản lý thuế rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa; Triển khai Cơ chế Hải quan một cửa quốc gia và Cơ chế hải quan một cửa ASEAN; thường xuyên cập nhật, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho cộng đồng doanh nghiệp về các chính sách mới, đẩy mạnh hợp tác với các ngân hàng thương mại, triển khai mở rộng chương trình phối hợp thu 24/7 và chương trình doanh nghiệp nhờ thu,... tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của nhóm công tác Hải quan - Doanh nghiệp;

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị quán triệt toàn thể cán bộ công chức nâng cao nhận thức, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác cải cách, hiện đại hóa gắn liền với nâng cao hiệu quả của công tác quản lý trong quá trình thực thi công vụ; tiếp nhận, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, phản ánh của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp trong lĩnh vực hải quan; Nâng cao xếp hạng chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới của Việt Nam năm 2020 từ 05 bậc đến 10 bậc, xác định đây là những nhiệm vụ trọng tâm, được triển khai thường xuyên, liên tục trong năm 2020.

2. Tăng cường chống thất thu qua công tác kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, trong đó tập trung kiểm tra chống gian lận về số lượng, trị giá, mã số, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa... và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Nhất là các mặt hàng nhập khẩu có điều kiện, các lô hàng vận chuyển độc lập, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và hàng hóa đưa về bảo quản chờ thông quan...

Thực hiện nghiêm các quy định về chính sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra các cấp. Coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong toàn ngành hải quan.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Cục Thuế xuất nhập khẩu:

1.1. Đề xuất giao chỉ tiêu phân đấu thu NSNN tới từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; theo dõi tình hình thu NSNN; Đánh giá tác động ảnh hưởng tới thu NSNN của việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định CPTPP, EVFTA; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN; chủ động theo dõi, đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 và các cam kết hội nhập quốc tế ảnh hưởng đến thu NSNN đề xuất, báo cáo lãnh đạo Tổng cục, lãnh đạo Bộ Tài chính.

1.2. Tập trung rà soát, nắm chắc tình hình nợ thuế của các Cục Hải quan tỉnh, thành phố; phân loại các nhóm nợ có khả năng thu, nợ không có khả năng thu. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị và đưa ra các giải pháp thu hồi nợ phù hợp với thực tế, báo cáo Lãnh đạo Tổng cục giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế có khả năng thu năm 2020 đối với từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố; đôn đốc, theo dõi từng tháng, quý tình hình thu hồi và xử lý nợ thuế; Triển khai và

đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hoàn thiện hồ sơ đối với các trường hợp có khả năng xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 để thực hiện xóa nợ nhằm làm giảm số nợ thuế của toàn ngành.

Đối với các khoản miễn, giảm thuế có điều kiện như: hàng gia công, hàng nhập khẩu để sản xuất hàng gia công, hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ không để phát sinh nợ thuế mà chủ doanh nghiệp bỏ trốn khỏi địa chỉ kinh doanh hoặc bỏ về nước (chủ doanh nghiệp là người nước ngoài)... không thu hồi được nợ thuế.

1.3. Rà soát trên hệ thống GTT02, Hệ thống trực ban trực tuyến và các hệ thống công nghệ thông tin có liên quan để chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra trị giá đối với những mặt hàng và doanh nghiệp có khả năng rủi ro cao về trị giá tránh trường hợp bỏ sót, bỏ lọt các lô hàng có mức giá khai báo thấp, bất hợp lý nhưng không được tham vấn hoặc xử lý kịp thời trong đó tập trung chỉ đạo theo chuyên đề đối với những nhóm hàng, mặt hàng xuất khẩu có thuế suất cao như: Các loại Quặng sắt, đồng,... xuất khẩu, các loại đá tự nhiên xuất khẩu,...; Các nhóm hàng, mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu có kim ngạch lớn, thuế suất cao, tần suất nhập khẩu nhiều như: Vải, rượu, bia, đồ điện gia dụng,...

Thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có rủi ro về giá (định kỳ và đột xuất) kèm theo các mức giá tham chiếu phù hợp với sự biến động giá thực tế để làm cơ sở so sánh, đối chiếu, kiểm tra trị giá khai báo, xác định dấu hiệu nghi vấn ban đầu để thực hiện tham vấn trong quá trình làm thủ tục hải quan hoặc kiểm tra sau thông quan theo quy định, nhằm kịp thời xử lý, ấn định thuế các trường hợp khai báo trị giá không đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ để kịp thời phát hiện những sai sót về công tác kiểm tra trị giá, xác định dấu hiệu nghi vấn, tham vấn, kiểm tra sau thông quan và cập nhật dữ liệu qua đó khắc phục và chấn chỉnh kịp thời việc thực hiện công tác quản lý giá tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

1.4. Rà soát trên hệ thống MHS, Hệ thống trực ban trực tuyến và các hệ thống công nghệ thông tin có liên quan để chỉ đạo các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện thống nhất công tác phân loại, xác định mã số và áp dụng mức thuế, kịp thời có văn bản chấn chỉnh, hướng dẫn phân loại thống nhất đối với các trường hợp áp dụng mã số, mức thuế không đúng quy định trong đó tiếp tục tập trung chỉ đạo kiểm tra, rà soát việc áp dụng mức thuế ưu đãi, ưu đãi đặc biệt theo các biểu thuế MFN, FTA, chỉ đạo các đơn vị lưu ý các trường hợp khai thuế suất ưu đãi (MFN) nhưng không đáp ứng điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi; hàng hóa nhập khẩu khai thuế suất ưu đãi đặc biệt theo các Hiệp định FTA nhưng thuộc đối tượng loại trừ không được áp dụng mức thuế FTA; hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng phải chịu thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

1.5. Rà soát, chỉ đạo các đơn vị kiểm tra công tác miễn, giảm, hoàn thuế, không thu thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Phát hiện các sai sót, vi phạm trong công tác miễn, giảm, hoàn thuế trong đó tập trung chỉ đạo rà soát, kiểm tra các dự án, các trường hợp được hưởng ưu đãi thuế có sự khác biệt giữa Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; các trường hợp miễn thuế theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận, trừ lùi trên hệ thống đảm bảo thực

hiện miễn thuế hàng hóa nhập khẩu đúng đối tượng; chỉ đạo các đơn vị đánh giá rủi ro, thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế sau khi hoàn thuế để kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp gian lận, trục lợi đối với hình thức hoàn trước, kiểm sau.

2. Cục Giám sát quản lý về Hải quan:

2.1. Triển khai Kế hoạch hành động thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại giai đoạn 2018-2020.

2.2. Hoàn thiện Đề án đổi mới mô hình thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành (KTCN) theo hướng cơ quan hải quan là đầu mối thực hiện công tác KTCN, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, quyết định của cơ quan hải quan là quyết định cuối cùng và có giá trị pháp lý cao nhất; cơ quan hải quan chịu sự thanh tra, kiểm tra của các bộ chuyên ngành đối với kết quả KTCN nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động KTCN đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, giảm chi phí, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2019 của Chính phủ.

Phối hợp với các Bộ, ngành sửa đổi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm tra chuyên ngành theo Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, kiến nghị các Bộ ngành xây dựng và ban hành đầy đủ Danh mục các mặt hàng thuộc diện KTCN theo hướng thu hẹp diện KTCN, chi tiết mã số HS và áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong KTCN, chuyển từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau khi hàng hóa đã thông quan. Phối hợp với các Bộ, ngành tích cực rà soát và cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt hàng KTCN.

2.3. Kiến nghị với các Bộ, ngành liên quan để hoàn thiện các quy định về xác định xuất xứ đối với hàng tiêu thụ nội địa, quy trình cấp giấy chứng nhận xuất xứ Việt Nam, quy định về dán nhãn hàng hóa, mã số mã vạch để đảm bảo minh bạch trong quản lý, phù hợp với các cam kết quốc tế.

2.4. Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ khâu trước khi hàng đến, trong quá trình làm thủ tục hải quan và sau khi hàng hóa đã thông quan (từ khâu đầu đến khâu cuối), đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhưng vẫn tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai mở rộng trên phạm vi toàn quốc với Hệ thống quản lý hải quan tự động tại cảng biển VASSCM, trong đó tập trung vào các kho ngoại quan, các địa điểm kho bãi trong nội địa.

3. Cục Quản lý rủi ro Hải quan:

3.1. Triển khai thực hiện Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro (QLRR) trong hoạt động nghiệp vụ hải quan trong toàn ngành và trong cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời ban hành và triển khai Quyết định hướng dẫn thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thu thập xử lý thông tin năm 2020, Kế hoạch kiểm soát rủi ro năm 2020.

3.2. Đánh giá tổng thể toàn bộ hệ thống QLRR và tái thiết kế chương trình QLRR, phân luồng kiểm tra để nâng cao hiệu quả công tác QLRR nói chung và công tác phân luồng kiểm tra nói riêng.

3.3. Thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc phân luồng, chuyển luồng và thực hiện kiểm tra tại các Chi cục Hải quan. Kịp thời phân tích thông tin, đánh giá, phân tích đối với các doanh nghiệp, nhóm mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao, trên các tuyến, địa bàn phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo quy định.

Triển khai các chuyên đề kiểm soát rủi ro đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, người và phương tiện xuất nhập cảnh; Tăng cường thu thập, phân tích thông tin đối với nhóm mặt hàng trọng điểm nguy cơ gian lận xuất xứ.

4. Cục Kiểm định Hải quan:

4.1. Nâng cao năng lực lực lượng kiểm định hải quan để đảm bảo thực hiện kiểm tra nhà nước về hải quan và triển khai Đề án đổi mới mô hình kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sau khi được phê duyệt. Giảm tải số lượng mẫu phân tích, phân loại, kiểm định, không lấy mẫu để phân tích, phân loại, kiểm định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã có kết quả phân tích, phân loại; phân tích và ban hành kết quả thông báo đúng thời hạn theo quy định; xử lý dứt điểm những vướng mắc, tồn đọng trong công tác phân tích, phân loại; chấn chỉnh việc giám định hàng hóa tại các tổ chức giám định ngoài ngành hải quan.

4.2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng Tiểu đề án để thực hiện kiểm tra nhà nước về hải quan và triển khai đề án đổi mới KTCN, theo hướng: hoàn thiện quy trình tổng thể về tiếp nhận, phân tích, trả kết quả; áp dụng quản lý rủi ro, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin,... Thực hiện kiểm tra nhà nước về hải quan đối với mặt hàng trái cây, thực phẩm chức năng nhập khẩu trên phạm vi toàn quốc.

5. Cục Điều tra chống buôn lậu:

Chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định... của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Bộ Tài chính trong công tác đấu tranh, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới với vai trò là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 389 của Bộ Tài chính, tiếp tục:

5.1. Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện như rượu ngoại, xăng dầu...; theo dõi, giám sát chặt chẽ các lô hàng vận chuyển độc lập, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và hàng hóa đưa về bảo quản chờ thông quan; đấu tranh ngăn chặn tình trạng xuất khẩu khống hàng hóa để được hoàn thuế giá trị gia tăng, gian lận xuất xứ hàng hóa để trốn thuế. Đẩy mạnh đấu tranh với hoạt động buôn lậu các loại hàng hóa khác như hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, ma túy, hàng thuộc danh mục CITES, vũ khí, hàng cấm khác... Phát huy tối đa hiệu quả việc sử dụng phương tiện trong việc giám sát trực tuyến trên ba cấp. Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ hải quan để chủ động trong phòng ngừa, phát hiện, bắt giữ và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật Hải quan.

5.2. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng như Công an, Biên phòng, Cảnh sát biển, Quản lý thị trường, An ninh hàng không, các Hiệp hội, doanh nghiệp...; Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với Hải quan các nước chủ trọng các thông tin về các vụ việc, vi phạm của các đối tượng, lô hàng cụ thể, thông tin về buôn lậu ma túy, hàng cấm, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm xuất xứ, thông tin về phương thức, thủ đoạn mới để chủ động phân tích, dự báo tình hình; Nâng cao công tác thu thập thông tin, dự báo tình hình; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực cho lực lượng kiểm soát Hải quan.

5.3. Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm soát hải quan; nghiên cứu, sắp xếp và bố trí lực lượng kiểm soát hải quan có nhiệt huyết, có trách nhiệm đảm bảo gọn nhẹ, chính quy, tinh nhuệ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

5.4. Hàng tháng trước ngày 12 gửi kết quả từ công tác chống buôn lậu về Cục Thuế XNK để tổng hợp.

6. Cục Kiểm tra sau thông quan:

6.1. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 7180/CT-TCHQ ngày 19/11/2019 của Tổng cục Hải quan về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) trong toàn quốc. Trong đó, tập trung kiểm tra theo rủi ro và dấu hiệu vi phạm. Chú trọng thực hiện kiểm tra các trường hợp doanh nghiệp có rủi ro cao, hoạt động xuất nhập khẩu phức tạp và thực hiện sản xuất, xuất nhập khẩu tại nhiều địa phương khác nhau; kiểm tra làm mẫu các lĩnh vực, vấn đề nổi cộm trọng điểm để chỉ đạo, hướng dẫn Hải quan địa phương thực hiện. Đẩy mạnh quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp, trước mắt, tập trung vào nhóm doanh nghiệp ưu tiên nhằm tạo sự đồng thuận, hợp tác của Doanh nghiệp đối với công tác KTSTQ trong toàn Ngành.

6.2. Để đáp ứng yêu cầu cải cách hiện đại hóa hải quan, định hướng chuyển hoạt động KTSTQ từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

Thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hoạt động của doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc theo từng loại hình, trên từng địa bàn. Sàng lọc phân loại doanh nghiệp để đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch định hướng KTSTQ trong từng giai đoạn, tập trung vào những nhóm chuyên đề có nguy cơ rủi ro cao vi phạm pháp luật diễn ra trên diện rộng, nhiều địa phương khác nhau trong thời gian kéo dài.

6.3. Đẩy mạnh cải cách trong các hoạt động nghiệp vụ KTSTQ và nâng cao chất lượng KTSTQ cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định nhằm hạn chế phiền hà cho doanh nghiệp, tránh khiếu nại, khiếu kiện phát sinh mới. Tăng cường công tác quản lý nắm bắt tình hình hoạt động KTSTQ trên địa bàn được phân công; thực hiện KTSTQ các lĩnh vực về trị giá, mã số, chính sách, xuất xứ.

6.4. Hàng tháng trước ngày 12 gửi kết quả từ công tác KTSTQ về Cục Thuế XNK để tổng hợp.

7. Vụ Thanh tra - Kiểm tra:

7.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ năm 2020 bám sát định hướng của Bộ Tài chính. Phần đầu hoàn thành 100 % kế hoạch thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ năm 2020 đã được phê duyệt.

7.2. Triển khai thực hiện kế hoạch công tác thanh tra chuyên ngành, kiểm tra nội bộ theo phê duyệt của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan theo địa bàn và theo các chuyên đề, lĩnh vực.

7.3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra do Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và các đơn vị cấp trên thực hiện.

7.4. Thực hiện công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra nội bộ, công tác kiểm tra, giám sát đột xuất để kịp thời phát hiện những sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức; Tiếp nhận, xử lý và tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.

7.5. Hàng tháng trước ngày 12 gửi kết quả từ công tác thanh tra, kiểm tra về Cục Thuế XNK để tổng hợp.

8. Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan:

8.1. Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tái thiết kế tổng thể hệ thống CNTT ngành Hải quan; triển khai các thành phần của Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành Hải quan.

8.2. Xây dựng Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan Chính phủ với các bên liên quan thông qua Cơ chế một cửa quốc gia, trình Chính phủ phê duyệt và đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; Xây dựng Đề án tổng thể về xây dựng và phát triển hệ thống CNTT phục vụ triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN theo định hướng xử lý tập trung.

8.3. Xây dựng mới, nâng cấp các phần mềm phục vụ yêu cầu quản lý nghiệp vụ hải quan cấp thiết, đặc biệt là các phần mềm đáp ứng yêu cầu quản lý nội ngành, cải cách thủ tục hành chính theo chủ trương chung của Chính phủ, Bộ Tài chính và độc lập với việc tái cấu trúc hệ thống CNTT; Triển khai kế hoạch tích hợp Cổng/trang Thông tin điện tử các Cục Hải quan vào Hệ thống Cổng Thông tin điện tử tập trung. Tích hợp Dịch vụ công trực tuyến ngành Hải quan lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

8.4. Đảm bảo quản lý, vận hành các hệ thống CNTT hải quan ổn định, an ninh, an toàn phục vụ đắc lực người dân và doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan; Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, triển khai dịch vụ hạ tầng và an toàn bảo mật thông tin trong lĩnh vực Hải quan; thay thế các trang thiết bị phần cứng, hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư trước đây đã xuống cấp để đảm bảo sự hoạt động thông suốt của các hệ thống CNTT hiện tại.

8.5. Hiện đại hóa công tác thống kê hải quan, trong đó đảm bảo việc cung cấp thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều chỉnh vĩ mô của Đảng, Chính phủ, cũng như các hoạt động

quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và đơn vị liên quan. Chủ động, tích cực phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Ngành trong công tác phân tích, xây dựng dự báo đánh giá tình hình XNK hàng hóa; Nâng cao chất lượng phân tích thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời hệ thống hóa yêu cầu cung cấp số liệu của các đơn vị, tổ chức.

8.6. Định kỳ cung cấp số liệu XNK cho Lãnh đạo các cấp (để báo cáo), Cục Thuế XNK, Văn phòng để tổng hợp.

9. Cục Tài vụ - Quản trị:

Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan, Cục Giám sát quản lý, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm định hải quan khẩn trương hoàn thiện Danh mục mua sắm, đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị của ngành Hải quan năm 2020, theo thứ tự ưu tiên: (1) Đề án tái thiết hệ thống CNTT của ngành; (2) Trang thiết bị kiểm định cho các Chi cục kiểm định; (3) trang bị tàu thuyền cho lực lượng kiểm soát chống buôn lậu; (4) trang thiết bị phát hiện ma túy, chất nổ,... cho lực lượng kiểm hóa tại cửa khẩu; (5) máy soi công-ten-nơ di động nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan.

10. Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

10.1. Rà soát, nắm chắc nguồn thu; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN phù hợp với đặc điểm, tình hình tại đơn vị; Chủ động đánh giá tác động của các cam kết hội nhập quốc tế đến thu NSNN tại đơn vị mình; các Cục Hải quan tỉnh, thành phố cần nắm chắc nguồn thu nhất là tình hình xuất khẩu, nhập khẩu với Trung Quốc, bám sát tình hình hoạt động XNK của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý nhất là các doanh nghiệp có hoạt động XNK với Trung Quốc, tình hình xuất khẩu hàng nông sản... nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị ... để kịp thời có báo cáo, phản ánh phục vụ công tác điều hành NSNN; Giao dự toán và chỉ tiêu phân đầu thu NSNN năm 2020 tới từng chi cục trực thuộc. *(Chỉ tiêu phân đầu năm 2020 chi tiết từng Cục Hải quan tỉnh, thành phố - đính kèm).*

Định kỳ hàng tháng gửi báo cáo các nội dung đánh giá thu ngân sách năm 2020 theo đúng mẫu và thời gian quy định tại Công văn 804/TCHQ-TXNK ngày 14/02/2017.

10.2. Tập trung rà soát, nắm chắc tình hình nợ thuế tại đơn vị; phân loại các nhóm nợ có khả năng thu, nợ không có khả năng thu, mỗi nhóm nợ có đánh giá chi tiết theo từng doanh nghiệp, tờ khai, tình trạng nợ thuế của doanh nghiệp, nguyên nhân chưa thu hồi được nợ, đưa ra biện pháp xử lý theo đúng quy định; Rà soát, thu thập tài liệu, hoàn thiện hồ sơ đối với các trường hợp đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước và Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2020, báo cáo về Tổng cục Hải quan (Cục Thuế XNK) danh sách các doanh nghiệp, số nợ đủ điều kiện khoan nợ, xóa nợ trước ngày 31/5/2020.

Quyết liệt xử lý, cưỡng chế, thu hồi nợ thuế theo quy định của pháp luật, giảm nợ đọng thuế, định kỳ công khai các doanh nghiệp nợ thuế; không để phát sinh nợ mới trong năm 2020,

phần đầu để số nợ tại thời điểm 31/12/2020 thấp hơn thời điểm 31/12/2019 cả về số tuyệt đối và tỷ lệ nợ/tổng thu.

Định kỳ hàng tháng gửi báo cáo nợ thuế, báo cáo thu hồi và xử lý nợ thuế theo đúng mẫu và thời gian quy định tại Công văn 804/TCHQ-TXNK ngày 14/02/2017.

10.3. Bố trí, phân công các cán bộ công chức đã được đào tạo về trị giá, có kỹ năng, kinh nghiệm thực tế thực hiện công tác tham mưu tại những địa bàn trọng điểm, có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn, có nguy cơ gian lận thương mại cao để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan; Xây dựng và đưa vào sử dụng cẩm nang hướng dẫn về kiểm tra, xác định trị giá hải quan, cập nhật hệ thống dữ liệu về trị giá hải quan; Kịp thời báo cáo, đề xuất sửa đổi các mức giá tham chiếu không còn phù hợp và bổ sung các mặt hàng mới phát sinh vào Danh mục quản lý rủi ro về trị giá hải quan; Cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin kết quả kiểm tra trị giá hải quan vào Hệ thống cơ sở dữ liệu giá GTT02; Thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá những rủi ro về công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan trong toàn đơn vị, kịp thời phát hiện các sai sót để chấn chỉnh và xử lý đối với cán bộ, công chức, Lãnh đạo và bộ phận có liên quan thực hiện không đúng quy định.

10.4. Rà soát, thực hiện kiểm tra tên hàng, mã số, mức thuế tại khâu thông quan, khâu sau thông quan để phát hiện và xử lý các trường hợp khai sai mã số, khai nguy trạng tên hàng hoặc khai tên hàng không rõ ràng, đầy đủ để được áp dụng mức thuế suất thấp hoặc được hưởng các mức thuế ưu đãi đặc biệt trong đó tập trung kiểm tra những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại và áp dụng mức thuế.

Đối với các lô hàng thuộc luồng xanh, sau khi hàng hóa đã thông quan, các Chi cục hải quan nơi thông quan hàng hóa lưu ý đánh giá thông tin rủi ro trong việc khai sai mô tả hàng hóa, khai sai mục đích sử dụng, khai sai chủng loại hàng hóa, khai mã số nguy trạng để được áp dụng mức thuế suất thấp, đặc biệt là các mặt hàng không được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt, các mặt hàng dễ lẫn, các mặt hàng nhập khẩu từ các nước không được hưởng mức thuế suất ưu đãi (MFN) phải áp dụng thuế suất thông thường để thực hiện kiểm tra sau thông quan trong phạm vi 60 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa nhằm ngăn chặn tình trạng lợi dụng hàng thuộc luồng xanh để gian lận thông qua khai báo mã số, mức thuế không đúng quy định, thu đủ thuế và xử lý vi phạm.

10.5. Rà soát, kiểm tra các trường hợp miễn thuế đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 01/9/2016 theo đúng đối tượng miễn thuế quy định tại Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 trong đó chú ý các trường hợp miễn thuế như: Miễn thuế hàng gia công; hàng sản xuất-xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, hàng hóa nhập miễn thuế theo Điều ước quốc tế.

Đối với trường hợp miễn thuế theo danh mục miễn thuế, các Chi cục Hải quan phải thực hiện đối chiếu hồ sơ nhập khẩu, hàng hóa thực tế nhập khẩu với danh mục miễn thuế mà cơ quan hải quan đã tiếp nhận để thực hiện miễn thuế đúng hàng hóa, đúng đối tượng. Sau khi hàng hóa được thông quan, phải thực hiện kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định.

Thực hiện rà soát, thu hồi số tiền miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ nhưng không có tờ khai nhập khẩu tại chỗ.

10.6. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, chống buôn lậu, gian lận thương mại và quản lý rủi ro. Lập kế hoạch kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra đối với những mặt hàng có rủi ro về giá, có giá khai báo thấp hơn giá tham chiếu trên hệ thống nhưng không xác định nghi vấn.

10.7. Yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan rà soát, xác định và ấn định thuế đối với những trường hợp áp sai mã số hàng hóa, sai thuế suất theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra Chính phủ, trong đó tập trung thực hiện kết luận của đoàn kiểm toán nhà nước về quản lý thu NSNN trước 31/3/2020; Rà soát, xác định và điều chỉnh, hạch toán chính xác đối với hồ sơ hoàn thuế trong quyết định hoàn thuế không hoàn thuế VAT, nhưng trên hệ thống phát sinh bút toán tự động về hoàn thuế VAT.

10.8. Kịp thời báo cáo về Tổng cục Hải quan các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách để xem xét, xử lý.

Chỉ thị này được quán triệt tới tất cả cán bộ, công chức hải quan. Cục trưởng cục Hải quan Tỉnh, Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để t/h);
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK (12b).

Nguyễn Văn Cẩn

CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU THU NSNN 2020

(Kèm theo Chỉ thị số: 1040/CT-TCHQ ngày 21/02/2020 của Tổng cục trưởng TCHQ)

ĐVT: triệu đồng

TT	CỤC HẢI QUAN	PHÂN ĐẦU NĂM 2020
1	TP.Hồ Chí Minh	121,000,000
2	Hải Phòng	71,000,000
	- Hải Phòng	60,900,000
	- Hải Dương	4,500,000
	- Hưng Yên	4,300,000
	- Thái Bình	1,300,000
3	Vũng Tàu	21,000,000
4	Hà Nội	24,290,000
	- Hà Nội	19,200,000
	- Vĩnh Phúc	4,270,000
	- Phú Thọ	330,000
	- Yên Bái	260,000
	- Hòa Bình	230,000
5	Quảng Ninh	10,500,000
6	Đồng Nai	19,400,000
	- Đồng Nai	17,500,000

	- Bình Thuận	1,900,000
7	Bình Dương	17,500,000
8	Bắc Ninh	11,100,000
	- Bắc Ninh	6,570,000
	- Bắc Giang	1,330,000
	- Thái Nguyên	3,200,000
9	Quảng Ngãi	4,460,000
10	Đà Nẵng	4,320,000
11	Khánh Hoà	1,660,000
	- Khánh Hoà	1,450,000
	- Ninh Thuận	210,000
12	Thanh Hoá	9,400,000
13	Hà Nam Ninh	7,720,000
	- Nam Định	420,000
	- Ninh Bình	5,400,000
	- Hà Nam	1,900,000
14	Lạng Sơn	3,500,000
15	Quảng Nam	5,250,000
16	Lào Cai	1,800,000

17	Hà Tĩnh	6,800,000
18	Long An	4,150,000
	- Long An	3,800,000
	- Tiền Giang	320,000
	- Bến Tre	30,000
19	Bình Định	780,000
	- Bình Định	720,000
	- Phú Yên	60,000
20	Quảng Trị	380,000
21	Cần Thơ	2,470,000
	- Cần Thơ	563,000
	- Vĩnh Long	1,429,000
	- Sóc Trăng	58,000
	- Hậu Giang	420,000
22	Nghệ An	1,890,000
23	Cao Bằng	188,400
	- Cao Bằng	182,000
	- Bắc Kạn	6,400
24	Huế	516,600

25	Hà Giang	314,000
	- Hà Giang	200,000
	- Tuyên Quang	114,000
26	Tây Ninh	750,000
27	Daklak	730,000
	- Daklak	155,000
	- Lâm Đồng	405,000
	- Đắk Nông	170,000
28	Đồng Tháp	100,000
29	Quảng Bình	231,000
30	Gia lai- Kon tum	301,000
	- Gia Lai	31,000
	- Kon Tum	270,000
31	Điện Biên	82,000
	- Điện Biên	30,000
	- Lai Châu	20,000
	- Sơn La	32,000
32	Bình Phước	850,000
33	An Giang	240,000

34	Cà Mau	27,000
	- Cà Mau	22,000
	- Bạc Liêu	5,000
35	Kiên Giang	200,000

VBPL-TS24CORP
www.TS24.com.vn